

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA**

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

---

*Được kiểm toán bởi:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K**

Số 23/61 Đường Trần Duy Hưng - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (04) 6 251 0008/6 275 1908

Fax: (04) 6 251 1327

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011  
Kết thúc ngày 30/06/2011  
Năm 2011  
Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - T.D.K  
Tổng Giám Đốc  
Từ Quỳnh Hạnh

**TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ**  
Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II  
Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPảh - Tỉnh Gia Lai  
**Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274**

Kế toán trưởng  
Luu Xuân Toàn

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thành Nam

Gia lai, ngày 15 tháng 07 năm 2011  
Cho kỳ hoạt động  
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011  
**Bảng đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- TS ngắn hạn/ tổng tài sản	%		
- TS dài hạn/ tổng tài sản	%		
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%		
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%		
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	Lần		
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần		
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu	%		

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu %

### 3.2. Suất sinh lời của tài sản

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản %

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản %

3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu %

### **Nội dung**

Phải thu khách hàng

Trả trước cho người bán

Phải trả khách hàng

Người mua trả tiền trước

Phải trả nội bộ

### **Số dư 31/12/08 Số đối chiếu**

-

-

-

-

-

**TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ**  
**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**  
**Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPảh - Tỉnh Gia Lai**  
**Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274**

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2-3
Kết quả cung túc soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 - 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7 - 8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	10 - 22

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Ry ninh II trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

### **Khởi quát chung về Công ty cổ phần thủy điện ry ninh II**

Công ty Công ty các phần thu nước ở Ry ninh II ("Công ty") là Công ty Các phần nước thực lập tổ chức các phần nước, Nhiệm vụ thu nước ở Ry ninh II thuộc Công ty Sông Sụ 11 - Tuyến Công ty Sông Sụ theo quyết định số 1617/QĐ - BXD ngày 26 tháng 11 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000014 ngày 12 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Công ty có trụ sở tại: Xã Yaly - Huyện ChưPăh - Tỉnh Gia Lai.

Vốn điều lệ của Công ty : 32.000.000.000 VND ( Ba mươi hai tỷ đồng chẵn).

Công ty con:

Công ty CP Thủy điện Sừng Đà Tõy Nguyễn

Địa chỉ: Pleiku Tỉnh Gia Lai

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh như trình bày, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2011 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định pháp luật hiện hành số 16/2008/QĐ-BTC ngày 20/05/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:**

#### **Hội đồng quản trị:**

1	Ông Hồ Sỹ Hưng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thành Nam	Ủy viên
3	Ông Nguyễn Khắc Hiệp	Ủy viên
4	Ông Đoàn Ngọc Phiêu	Ủy viên
5	Ông Khỳc Đôn Dương	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc:**

1	Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc
2	Ông Đoàn Ngọc Phiêu	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Khỳc Đôn Dương	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lưu Xuân Toàn	Kế toán trưởng

#### **Ban Kiểm soát:**

1	Ông Trần Văn Ngự	Trưởng ban
2	Ông Hoàng Văn Chiến	Thành viên
3	Ông Bùi Quốc Hoa	Thành viên

### **Kiểm toán viên độc lập**

Cộng ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K là Cộng ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Cộng ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Bảo cáo tài chính cho Cộng ty trong những kỳ tiếp theo.

### **Cung bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Bảo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình kinh tế tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài sản của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định như sau đây:

- ã Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ã Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ã Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ã Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Cộng ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- ã Các số liệu tài chính được lập ra phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tối thiểu nhằm mục đích báo cáo Báo cáo tài chính tuồn thì các quy định hiện hành của Nhà nước. Sàng lọc các trách nhiệm trong việc báo cáo an toàn tại số của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các sai phạm vi gian lận và các vi phạm khác;
- ã Các tổ chức kiểm toán độc lập được chọn lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ mối liên hệ nào giữa các thành viên của Công ty và các thành viên của Công ty cho các kiểm toán tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính được lập ra phản ánh trung thực và hợp lý tình hình kinh tế tài chính của Công ty tối thiểu nhằm mục đích báo cáo Báo cáo tài chính tuồn thì các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

**Đại diện cho:**

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

---

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thành Nam**

*Gia lai, ngày 15 tháng 07 năm 2011*

Số: /BCKT - TC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÊNG TÁC SOÁT XẤT**

*Về Bảo cáo tài chính cho kỳ hoạt ðộng từ ngày 01/01/2010 ðến ngày 30/06/2010  
của Cộng ty cổ phần Thủy ðiện Ry ninh II*

**Kính gửi :**

HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
Công ty cổ phần Thủy ðiện Ry Ninh II

Chúng tôi ð· thúc hiÕn c«ng t,c so,t xĐt B,o c,o tui chÝnh gi+a niªn ðé kÕt thóc nguy 30/06/2011 của Công ty Cæ phÇn thủy ðiÕn Ry Ninh II ð-íc lËp nguy 15/07/2011 gãm: B¶ng c©n ðèi kÕ to,n t'i nguy 30 th,ng 06 nãm 2011, B,o c,o kÕt qu¶ ho't ðéng kinh doanh, B,o c,o l-u chuyÕn tiÕn tÕ vµ B¶n thuyÕt minh B,o c,o tui chÝnh cho kú ho't ðéng tÕ nguy 01/01/2011 ðÕn 30/06/2011 ð-íc tr×nh bµy tÕ trang 05 ðÕn trang 22 kìm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Cộng ty. Trách nhiệm của chúng

tại là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính giữa niên ðộ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi ð· thúc hiÕn c«ng t,c so,t xĐt B,o c,o tui chÝnh gi+a niªn ðé theo ChuÈn mục kiÓm to,n ViÕt Nam sè 910 vÒ c«ng t,c so,t xĐt B,o c,o tui chÝnh. ChuÈn mục nµy yªu cÇu c«ng t,c so,t xĐt ph¶i lËp kÕ ho'ch vµ thúc hiÕn ðÓ cả sù ð¶m b¶o vĩa ph¶i r»ng B,o c,o tui chÝnh gi+a niªn ðé kh«ng cßn chøa ðùng nh÷ng sai sãt trång yÕu. C«ng t,c so,t xĐt bao gãm chñ yÕu lµ viÖc trao ðæi vñ nh©n sù của Công ty vµ ,p ðông c,c thñ tc ph©n tÝch trªn nh÷ng th«ng tin tui chÝnh; C«ng t,c nµy cung cËp mét mc ðé ð¶m b¶o thËp h-n c«ng t,c kiÓm to,n. Chúng tôi kh«ng thúc hiÕn c«ng viÖc kiÓm to,n nªn cng kh«ng ð-a ra ý kiÕn kiÓm to,n.

### **Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIẤN**

Trªn c- sè c«ng t,c so,t xĐt của chúng tôi, chúng tôi kh«ng thấy cả sù kiÕn nµo ðÓ chúng tôi cho r»ng B,o c,o tui chÝnh kìm theo ð©y kh«ng ph¶n ,nh trung thúc vµ híp lý trªn c,c khÝa c'nh trång yÕu phñ híp vñ ChuÈn mục vµ ChÕ ðé kÕ to,n ViÕt Nam hiÕn hñnh vµ c,c quy ð¶nh ph,p lý cả liªn quan ðÕn viÖc lËp vµ tr×nh bµy B,o c,o tui chÝnh.

*Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2011*

**CÊNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN**  
**THĂNG LONG - T.D.K**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Từ Quỳnh Hạnh**

**Lưu Anh Tuấn**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0313/KTV*

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1026/KTV*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30-06-2011</b>	<b>01-01-2011</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31,971,421,797</b>	<b>27,195,818,022</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>21,197,396,751</b>	<b>16,569,359,766</b>
1. Tiền	111	V.01	21,197,396,751	16,569,359,766
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>7,350,642,268</b>	<b>7,821,084,302</b>
1. Phải thu khách hàng	131		6,682,895,983	7,196,570,648
2. Trả trước cho người bán	132		23,247,000	23,247,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.03	644,499,285	601,266,654
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,872,140,617</b>	<b>2,415,135,471</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2,872,140,617	2,415,135,471
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>551,242,161</b>	<b>390,238,483</b>
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		551,242,161	390,238,483
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>108,363,304,407</b>	<b>106,210,542,153</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>86,315,279,345</b>	<b>87,003,389,817</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	82,915,279,345	83,603,389,817
- Nguyên giá	222		153,090,738,470	153,090,738,470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(70,175,459,125)	(69,487,348,653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3,400,000,000	3,400,000,000
- Nguyên giá	228		3,400,000,000	3,400,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19,391,309,273</b>	<b>16,691,309,273</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		17,550,000,000	14,850,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,841,309,273	1,841,309,273
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,656,715,789</b>	<b>2,515,843,063</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,656,715,789	2,515,843,063

**Tập đoàn Sông Đà**

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChuPảh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011*

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>140,334,726,204</b>	<b>133,406,360,175</b>
--------------------------	------------	------------------------	------------------------

**Tập đoàn Sông Đà**

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPăh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30-06-2011	01-01-2011
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>71,083,165,906</b>	<b>64,154,087,536</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45,424,201,096</b>	<b>36,557,215,646</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	40,043,503,360	32,819,303,360
2. Phải trả người bán	312		910,960,994	1,532,978,341
3. Người mua trả tiền trước	313		309,180,000	9,180,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2,019,222,144	1,345,098,285
5. Phải trả công nhân viên	315		853,476,492	32,621,275
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	510,609,668	206,856,099
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		777,248,438	611,178,286
<b>II. Nợ dài hạn</b>			<b>25,658,964,810</b>	<b>27,596,871,890</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	25,658,964,810	27,596,871,890
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>69,251,560,298</b>	<b>69,252,272,639</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>69,251,560,298</b>	<b>69,252,272,639</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32,000,000,000	32,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,212,070,479	1,212,070,479
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1,302,595,311)	(1,302,595,311)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28,748,207,319	28,147,819,174
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,200,000,000	3,200,000,000
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5,393,877,811	5,994,978,297
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>140,334,726,204</b>	<b>133,406,360,175</b>

Gia lai, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Xuân Toàn

Nguyễn Thành Nam

**Tập đoàn Sông Đà****Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPảh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn kế toán từ

01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ***Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	9,332,684,796	4,732,751,062	10,976,057,962	9,479,487,026
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.27	9,332,684,796	4,732,751,062	10,976,057,962	9,479,487,026
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1,807,548,822	711,824,915	2,569,934,755	2,101,099,634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		7,525,135,974	4,020,926,147	8,406,123,207	7,378,387,392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4,358,490	7,705,152	10,342,228	17,389,582
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	2,318,421,672	1,740,465,599	4,722,220,612	3,097,776,429
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,849,917,803	1,406,975,403	3,026,413,991	2,876,899,546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,361,154,989	881,190,297	667,830,832	1,421,100,999
11. Thu nhập khác	31			226,572,000		226,572,000
12. Chi phí khác	32		-	-	-	18,505,786
13. Lợi nhuận khác	40		-	226,572,000	-	208,066,214
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,361,154,989	1,107,762,297	667,830,832	1,629,167,213
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	33,391,542	55,388,115	33,391,542	82,383,650

16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,327,763,447	1,052,374,182	634,439,290	1,546,783,563
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			1,039.93	328.87	198.26	483.37

**Kế toán trưởng**

*Gia lai, ngày 15 tháng 07 năm 2011*  
**Tổng Giám đốc**

**Lưu Xuân Toàn**

**Nguyễn Thành Nam**

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	12,881,391,732	14,473,834,243
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(7,037,562,359)	(6,828,275,588)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,681,492,151)	(2,492,125,068)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4,722,220,612)	(460,355,555)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(219,013,791)	(71,819,389)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	189,448,264	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2,477,949,246)	(10,850,340,437)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3,067,398,163)</b>	<b>(6,229,081,794)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,700,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,342,228	17,389,582
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2,689,657,772)</b>	<b>17,389,582</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30,500,000,000	3,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20,114,907,080)	(1,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10,385,092,920</b>	<b>2,000,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4,628,036,985</b>	<b>(4,211,692,212)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>16,569,359,766</b>	<b>11,001,307,139</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>21,197,396,751</b>	<b>6,789,614,927</b>

Gia lai, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010**

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ("Công ty") là Công ty Cổ phần trách nhiệm hữu hạn thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tại địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPăh - Tỉnh Gia Lai. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1617/QĐ - BXD ngày 26 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Xã Yaly. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000014 ngày 12 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty là: 32.000.000.000 VND**

**(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng chẵn).**

Trong đó:

-Vốn Nhà nước là : 16.200.000.000 VND ( Mười sáu tỷ hai trăm nghìn đồng chẵn)

-Vốn các cổ đông khác: 15.800.000.000 VND ( Mười lăm tỷ tám trăm nghìn đồng chẵn)

**Trụ sở chính: Xã Yaly - Huyện ChưPăh - Tỉnh Gia Lai**

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện, nước.**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện thương phẩm;
- Thi công, lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin;
- Sửa chữa thiết bị điện và gia công cơ khí;
- Khai thác lọc và phân phối nước;

### **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm. Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến 30/06.
3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

### **III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:  
Chúng tôi, Công ty cổ phần thủy điện Ry Ninh II, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng:  
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

###### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

C, c nghiÖp vö kinh tÖ ph, t sinh b»ng ngo'i tÖ ®-íc quy ®æi ra ®ång ViÖt Nam theo tû gi, giao dÞch thùc tÖ cña ng©n hÞng giao dÞch t'i thêi ®iÖm ph, t sinh nghiÖp vö. Toµn bé ch¹nh lÖch tû gi, hòi ®o, i ph, t sinh trong kú cña ho't ®éng s¶n xuÊt kinh doanh, kÓ c¶ ho't ®éng ®Çu t- x©y dùng c- b¶n ®-íc h'ch to, n ngay vµo chi phÝ tui chÝnh hoÆc doanh thu ho't ®éng tui chÝnh trong kú.

T'i thêi ®iÖm cuèi n' m tui chÝnh c, c kho¶n môc tiÖn cũ gèc ngo'i tÖ ®-íc quy ®æi theo tû gi, b×nh qu©n li¹n Ng©n hÞng do Ng©n hÞng Nhụ n-íc ViÖt Nam c«ng bè t'i thêi ®iÖm kÓt thúc ni¹n ®é kÓ to, n. Ch¹nh lÖch tû gi, thùc tÖ ph, t sinh trong kú vµ ch¹nh lÖch tû gi, do ®, nh gi, l'i sè d- c, c kho¶n môc tiÖn tÖ t'i thêi ®iÖm cuèi n' m ®-íc kÓt chuyÖn vµo doanh thu hoÆc chi phÝ tui chÝnh trong kú hoÆc ph¶n , nh tr¹n TK 413 - Ch¹nh lÖch tû gi, theo h-íng dÉn t'i Th«ng t- sè 201/2009/TT-BTC.

###### **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

###### **2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

HÞng t¹n kho ®-íc tÝnh theo gi, gèc. Tr-êng hÞp gi, trÞ thuÇn cũ thÓ thùc hiÖn ®-íc thÊp h-n gi, gèc th× ph¶i tÝnh theo gi, trÞ thuÇn cũ thÓ thùc hiÖn ®-íc. Gi, gèc hÞng t¹n kho bao g¹m chi phÝ mua, chi phÝ chÖ biÖn vµ c, c chi phÝ li¹n quan trùc tiÖp kh, c ph, t sinh ®Ó cũ ®-íc hÞng t¹n kho ẽ ®¸ ®iÖm vµ tr'ng th, i hiÖn t'i.

Gi, gèc cũ hÞng t¹n kho do ®-n vÞ tù s¶n xuÊt bao g¹m chi phÝ nguyªn vÊt liÖu trùc tiÖp, chi phÝ nh©n c«ng trùc tiÖp, chi phÝ s¶n xuÊt chung cè ®¸nh vµ chi phÝ s¶n xuÊt chung biÖn ®æi ph, t sinh trong qu, tr×nh chuyÖn hãa nguyªn liÖu vÊt liÖu thµnh thµnh phÈm.

###### **Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

###### **2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền.

###### **2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



2.4. **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- 3.1. **Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm ( hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
  - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm ( hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- 3.2. **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

**4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính phù hợp theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 -45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 20 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm

Tại đơn vị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn do vậy không tính khấu hao cho tài sản này.

**5. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp ở ngoài việc ở ngoài việc sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết, bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bù các khoản chi phí khác ngoài phần lãi tiền vay, trừ phần sinh lãi liên quan tới qu, trính lựm thĩ tợc vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí vay lãi vốn trong kỳ kinh doanh và chi phí sinh lãi trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chi phí khấu hao các tài sản cố định, trong tổng kỳ kinh doanh và chi phí sinh lãi, sẽ là vay thực tế sinh và phân bổ chi phí khấu hao các tài sản cố định.

**6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**6.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:** Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không qua 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**6.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:** các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**6.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

Các khoản chi phí thực tế chi-a sinh nh-ng lãi trích từ các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ báo cáo khi chi phí sinh thực tế kinh doanh vượt quá chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sẽ phân bổ nguyên tắc hợp lý doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đã sinh, nếu cả chi phí thực tế và chi phí trích, kế toán hiện ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí thực tế sinh và phân bổ.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/T-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

**9. Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**10.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đã xác định được một cách tin cậy. Trường hợp vi phạm cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân tích hợp lý của Bộ Công Tài chính và Kế toán của Bộ Tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành**

- \* Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi là 5% trên lợi nhuận chịu thuế.
- \* Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**

<b>1. Tiền</b>	<b>30-06-2011</b>	<b>01-01-2011</b>
- Tiền mặt	<b>349,162,425</b>	<b>127,809,154</b>
- Tiền gửi Ngân hàng	<b>20,848,234,326</b>	<b>16,441,550,612</b>
+ <i>Tiền gửi Việt Nam đồng</i>	<b>20,848,234,326</b>	<b>16,441,550,612</b>
Ngân hàng Công thương tỉnh Gia lai	20,346,402,439	16,441,550,612
Ngân hàng Ngoại thương tỉnh Gia lai	501,831,887	-
<b>Cộng</b>	<b>21,197,396,751</b>	<b>16,569,359,766</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn : 0</b>		
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30-06-2011</b>	<b>01-01-2011</b>
<b>3.1 Phải thu khách hàng</b>	<b>6,682,895,983</b>	<b>7,196,570,648</b>
Tổ VH nước số 1	28,453,893	39,682,393
Tổ VH nước số 2	287,950	287,950
Công ty điện lực miền Trung	6,484,154,140	4,315,623,065
Công ty CP thủy điện Đăk Rơ Sa	-	100,000,000
Công ty CP cơ điện Tân Phát - Đăkne	145,000,000	245,000,000
Công ty CP thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	-	2,470,977,240
Công ty CP thủy điện RyNinh II - Đăkpsi	25,000,000	25,000,000
<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>23,247,000</b>	<b>23,247,000</b>
Cty TNHH MTV Sanh Hưng	23,247,000	23,247,000
<b>3.3 Phải thu khác</b>	<b>644,499,285</b>	<b>601,266,654</b>
Phải thu về BHXH trả thay lương	40,222,532	39,118,407
Phải thu thuế TNCN	90,839,692	90,839,692
Phải thu tiền điện <b>8</b>	5,057,241	3,259,815
Phải thu BHXH và BHYT, TCTN	61,090,188	20,174,097
Tiền phạt thuế	2,206,223	-
Cty CP TĐ Ry Ninh II - Đăkpsi	27,482,726	-
Tập đoàn sông Đà	415,200,683	-
Nguyễn Văn Minh - Sông Đà Tây Nguyên	2,400,000	-
Phải thu khác	-	447,874,643
<b>Cộng</b>	<b>7,350,642,268</b>	<b>7,821,084,302</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30-06-2011</b>	<b>01-01-2011</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	2,196,575,387	2,294,541,659
- Công cụ, dụng cụ	19,915,000	19,915,000
- Chi phí SX, KD dở dang (DA thủy điện Hà Tây)	655,650,230	100,678,812
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2,872,140,617</b>	<b>2,415,135,471</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước: 0</b>		

**6. Phải thu dài hạn nội bộ:0**

**7. Phải thu dài hạn khác : 0**

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChuPảh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>110,321,486,657</b>	<b>40,923,445,928</b>	<b>1,728,504,673</b>	<b>117,301,212</b>	<b>153,090,738,470</b>
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác			-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>110,321,486,657</b>	<b>40,923,445,928</b>	<b>1,728,504,673</b>	<b>117,301,212</b>	<b>153,090,738,470</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>45,691,094,868</b>	<b>22,791,126,474</b>	<b>935,568,858</b>	<b>69,558,453</b>	<b>69,487,348,653</b>
- Khấu hao trong kỳ	433,736,580	238,045,211	14,774,100	1,554,581	<b>688,110,472</b>
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46,124,831,448</b>	<b>23,029,171,685</b>	<b>950,342,958</b>	<b>71,113,034</b>	<b>70,175,459,125</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPảh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- Tại ngày đầu kỳ	64,630,391,789	18,132,319,454	792,935,815	47,742,759	<b>83,603,389,817</b>
- Tại ngày cuối kỳ	64,196,655,209	17,894,274,243	778,161,715	46,188,178	<b>82,915,279,345</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính : 0**

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu kỳ	<b>3,400,000,000</b>	-	<b>3,400,000,000</b>
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	<b>3,400,000,000</b>	-	<b>3,400,000,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu kỳ	-	-	-
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu kỳ	<b>3,400,000,000</b>	-	<b>3,400,000,000</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	<b>3,400,000,000</b>	-	<b>3,400,000,000</b>

**11. Chi phí XDCB dở dang 0:**

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: 0**

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	30-06-2011	01-01-2011
- Đầu tư công ty con	<b>17,550,000,000</b>	<b>14,850,000,000</b>
Công ty CP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	17,550,000,000	14,850,000,000
- Đầu tư Công ty liên doanh Liên Kết	<b>1,841,309,273</b>	<b>1,841,309,273</b>
Công ty Thủy điện Ry Ninh II Đăk Psi	1,841,309,273	1,841,309,273
<b>Cộng</b>	<b>19,391,309,273</b>	<b>16,691,309,273</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	30-06-2011	01-01-2011
- Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng chờ phân bổ	619,245,282	478,372,556
- Giá trị CCDC xuất dùng sản xuất	357,676,300	357,676,300
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1,679,794,207	1,679,794,207
<b>Cộng</b>	<b>2,656,715,789</b>	<b>2,515,843,063</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	30-06-2011	01-01-2011
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>32,323,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
NH Công thương Gia Lai	30,000,000,000	16,000,000,000
NH Ngoại thương Gia Lai	2,323,000,000	4,000,000,000
<b>b. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7,720,503,360</b>	<b>12,819,303,360</b>
Tổng Công ty Sông Đà	7,720,503,360	12,819,303,360



**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPảh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

<b>Cộng</b>	<b>40,043,503,360</b>	<b>32,819,303,360</b>
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>30-06-2011</b>	<b>01-01-2011</b>
- Thuế GTGT	773,807,897	140,612,143
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	970,744,555	1,118,005,739
- Thuế thu nhập cá nhân	18,139,808	45,790,993
- Thuế tài nguyên	256,529,884	40,689,410
<b>Cộng</b>	<b>2,019,222,144</b>	<b>1,345,098,285</b>
<b>17. Chi phí phải trả: 0</b>		
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30-06-2011</b>	<b>01-01-2011</b>
<b>18.1 Phải trả người bán</b>	<b>910,960,994</b>	<b>1,532,978,341</b>
CH Chí Thanh	-	46,264,000
Cty TNHH TM & KT Hưng Đông	-	74,996,471
TT LKCK HCM	10,000,000	10,000,000
Phạm Thị Mỹ Điều	44,000,000	44,000,000
Cty TNHH MTV Đông Sơn	-	503,485,000
Cty TNHH Kỹ thuật Năng lượng Việt	344,134,964	337,935,000
Cơ sở SX gia công cơ khí Trường Lộc	121,301,870	221,301,870
CT CP ĐT và SX Việt Hàn	129,866,000	229,866,000
CH Vạn Lợi	94,828,160	-
Báo đầu tư	5,500,000	-
DNTN Thuần Lý	17,800,000	-
Doanh nghiệp TVTK Đông Phương	20,000,000	-
Cty TNHH truyền thông TMDV nhịp cầu Việt	30,000,000	-
CH Quốc Kiệt	28,400,000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thiện Mỹ	65,130,000	65,130,000
<b>18.2 Người mua trả tiền trước</b>	<b>309,180,000</b>	<b>9,180,000</b>
Trường trung cấp dạy nghề Gia lai	9,180,000	9,180,000
Cty CP Quốc Cường Gia Lai	300,000,000	-
<b>18.3 Phải trả khác</b>	<b>510,609,668</b>	<b>206,856,099</b>
Kinh phí công đoàn	135,333,603	144,048,153
Bảo hiểm xã hội	284,624,152	39,034,610
Trợ cấp thất nghiệp	25,930,388	-
Bảo hiểm y tế	46,417,023	(3,817,203)
Phải trả khác	18,304,502	27,590,539
<b>Cộng</b>	<b>1,730,750,662</b>	<b>1,749,014,440</b>
<b>19. Phải trả dài hạn nội bộ: 0</b>		
<b>20. Vay và nợ dài hạn:</b>		

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChuPảh - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

<b>Vay dài hạn</b>	<b>25,658,964,810</b>	<b>27,596,871,890</b>
<i>Ngân hàng Công thương Gia Lai</i>	6,922,232,203	22,596,871,890
<i>Tổng công ty sông Đà</i>	14,236,732,607	-
<i>Ngân hàng Vietcombank Gia Lai</i>	4,500,000,000	5,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>25,658,964,810</b>	<b>27,596,871,890</b>

**21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả: 0**

**Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II**

Địa chỉ: Xã Yaly - Huyện ChưPảh - Tỉnh Gia Lai  
 Điện thoại: (059).3 845 274 - Fax: (059) 3 845 274

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu****A- bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác thuộc vốn CSH	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>32,000,000,000</b>	<b>(701,740,271)</b>	<b>1,212,070,479</b>	<b>22,977,232,242</b>	<b>3,200,000,000</b>	-	<b>13,372,766,392</b>	<b>72,060,328,842</b>
- Tăng vốn trong năm trước				5,170,586,932			5,994,278,837	11,164,865,769
- Lãi trong năm trước								-
- Tăng khác								-
- Giảm vốn trong năm trước								-
- Lỗ trong năm trước		600,855,040						600,855,040
- Giảm khác							13,372,066,932	13,372,066,932
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>32,000,000,000</b>	<b>(1,302,595,311)</b>	<b>1,212,070,479</b>	<b>28,147,819,174</b>	<b>3,200,000,000</b>	-	<b>5,994,978,297</b>	<b>69,252,272,639</b>
<b>3. Số dư đầu kỳ này</b>	<b>32,000,000,000</b>	<b>(1,302,595,311)</b>	<b>1,212,070,479</b>	<b>28,147,819,174</b>	<b>3,200,000,000</b>	-	<b>5,994,978,297</b>	<b>69,252,272,639</b>
- Tăng vốn trong kỳ này				600,388,145				600,388,145
- Lãi trong kỳ								-
- Tăng khác							634,439,290	634,439,290
- Giảm vốn trong kỳ này								-
- Lỗ trong kỳ								-
- Giảm khác							1,235,539,776	1,235,539,776
								-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>32,000,000,000</b>	<b>(1,302,595,311)</b>	<b>1,212,070,479</b>	<b>28,748,207,319</b>	<b>3,200,000,000</b>	-	<b>5,393,877,811</b>	<b>69,251,560,298</b>

(C, c thuyết minh nuy lụ bé phËn hÿp thñnh B, o c, o tñi chÝnh)

**CHI TIẾT CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH KIỂM TOÁN NĂM 2011**

STT	NỘI DUNG	Tài khoản		Tham chiếu		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có	Nợ	Có		
<b>I.</b>	<b>Các Bút toán điều chỉnh của các đơn vị</b>						
1	Phân loại lại vay dài hạn đến hạn trả			N338	N311	7,720,503,360	
2	Hạch toán bổ sung truy thu thuế GTGT từ 2007 đến 2009			D421	N333	2,200,414	
3	Hạch toán bổ sung truy thu thuế TNDN từ 2007 đến 2009			D421	N333	38,361,065	

*Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011*  
**Trưởng nhóm Kiểm toán**

**Nguyễn Thành Tuấn**

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KIỂM TOÁN**  
**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VNĐ*

MÃ TK	THAM CHIẾU	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ ĐIỀU CHỈNH		CỘNG
			NỢ	CÓ	
N0111	N011	Tiền mặt	-	-	-
N0112	N011	Tiền gửi ngân hàng	-	-	-
N0113	N011	Tiền đang chuyển	-	-	-
N012	N012	Tiền đang chuyển	-	-	-
N121	N121	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-	-
N129	N129	Dự phòng giảm giá đầu tư CK ngắn hạn	-	-	-
N131	N131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-
D131	D131	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
A331	A331	Trả trước người bán	-	-	-
N1331	N1331	Thuế GTGT khấu trừ	-	-	-
N1332	N1332	Thuế và các khoản phải thu nh ả nước	-	-	-
N134	N134	Phải thu theo tiến độ hợp đồng	-	-	-
N136	N136	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
D1361	D136	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
D136	D136	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-
N138	N138	Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-
D138	D138	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
N135	N135	Các khoản thuế phải thu	-	-	-
N139	N139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
D139	D139	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
N0141	N014	Tạm ứng	-	-	-
N142	N142	Chi phí chờ kết chuyển	-	-	-
N0144	N014	Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	-
N0152	N015	NVL	-	-	-
N0153	N015	CCDC	-	-	-
N0154	N015	CPSXKDDD	-	-	-
N0155	N015	Thành phẩm	-	-	-

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KIỂM TOÁN**  
**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VNĐ*

MÃ TK	THAM CHIẾU	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ ĐIỀU CHỈNH		CỘNG
			NỢ	CÓ	
N0156	N015	Hàng hoá	-	-	-
N01567	N015	Hàng hoá BĐS đầu tư	-	-	-
N0157	N015	Hàng gửi bán	-	-	-
N0158	N015	Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-
N159	N159	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
D211	D211	Nguyên giá TSCĐ	-	-	-
D212	D212	TSCĐ thuê TC	-	-	-
D213	D213	TSCĐ vô hình	-	-	-
D217	D217	Bất động sản đầu tư	-	-	-
D2141	D2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-	-	-
D2142	D2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
D2143	D2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	-	-	-
D2147	D2147	Hao mòn BĐS đầu tư	-	-	-
D222	D222	Vốn góp liên doanh	-	-	-
D223	D223	Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-
D228	D228	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
D221	D221	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
D022	D022	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
D241	D241	XDCB DD	-	-	-
D024	D024	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
D229	D229	Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn	-	-	-
D242	D242	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
D262	D262	Tài sản thuế thu nhập ho ản lại	-	-	-
N311	N311	Vay Ngắn hạn	-	7,720,503,360	7,720,503,360
N331	N331	Phải trả cho người bán	-	-	-
A131	A131	Người mua trả tiền tr ược	-	-	-
N333	N333	Thuế nộp NN	-	40,561,479	40,561,479

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KIỂM TOÁN

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

MÃ TK	THAM CHIẾU	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ ĐIỀU CHỈNH		CỘNG
			NỢ	CÓ	
N334	N334	Phải trả CNV	-	-	-
N335	N335	Chi phí phải trả	-	-	-
N336	N336	Phải trả nội bộ	-	-	-
N338	N338	Phải trả khác	7,720,503,360	-	(7,720,503,360)
N339	N339	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
N318	N318	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-	-
D331	D331	Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
D351	D351	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
D336	D336	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-
D338	D338	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
D339	D339	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
D341	D341	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
D333	D333	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
D411	D411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-	-
D4112	D4112	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
D417	D417	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
D419	D419	Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-
D412	D412	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-
D413	D413	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
D414	D414	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
D415	D415	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
D044	D044	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
D421	D421	Lợi nhuận ch ưa phân phối	40,561,479	-	(40,561,479)
D431	D431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
D441	D441	Nguồn vốn đầu tư XD CB	-	-	-
D461	D461	Nguồn kinh phí	-	-	-
D466	D466	Nguồn kinh phí đã hình thành TSC Đ	-	-	-

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KIỂM TOÁN

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

MÃ TK	THAM CHIẾU	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ ĐIỀU CHỈNH		CỘNG
			NỢ	CÓ	
511	511	Doanh thu	-	-	-
5117	5117	Doanh thu BĐS đầu tư	-	-	-
515	515	Doanh thu tài chính	-	-	-
621	621	Chi phí NVL trực tiếp	-	-	-
622	622	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	-
623	623	Chi phí máy thi công	-	-	-
627	627	Chi phí sx chung	-	-	-
632	632	Giá vốn hàng bán	-	-	-
635	635	Chi phí tài chính	-	-	-
641	641	Chi phí bán hàng	-	-	-
642	642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-
711	711	Thu nhập khác	-	-	-
811	811	Chi phí khác	-	-	-
821	821	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-	-
911	911	Kết quả	-	-	-
		<b>Cộng</b>	<b>7,761,064,839</b>	<b>7,761,064,839</b>	<b>-</b>



	NVL	NC	KH	Thue	MN	khac
TK621	184,212,672					
TK622		1,546,897,750				
TK623					19,038,650	
TK627	96,898,547	1,600,000				
TK627	10,727,273					
TK627			667,517,241		594,714,040	3,300,000
TK642						